TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LAI VUNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06-9-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cao Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Nguyễn Chí Công;

Nguyễn Phát Triển.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thái Vân An là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023 tại phòng xử án của trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2023/TLST-HNGĐ, ngày 19/6/2023 "V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 517/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 15 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự;

- *Nguyên đơn*: Lê T - Sinh năm: 1985. Địa chỉ: xã Vĩnh Thuận Đ, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn:* Nguyễn P - Sinh năm: 1987. Địa chỉ: xã Tân H, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn Lê T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị T và anh P tự tìm hiểu và quen biết nhau, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Cuộc sống hôn nhân của chúng tôi thời gian đầu thì hạnh phúc nhưng về sau này thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống,

thường xuyên cự cải không cùng tiếng nói anh P thường xuyên nhậu nhẹt không lo làm ăn phát triển kinh tề gia đình không quan tâm vợ con dù chị T đã nhiều lần khuyên nhưng anh P không thay đổi nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Nay chị Lê T nhận thấy không còn tình cảm với anh Nguyễn P nên chị Lê T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn P.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị B, sinh ngày 16/3/2010 hiện đang sống với chị T, chị T yêu cầu tiếp tục nuôi con và không yêu cầu Nguyễn P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Nguyễn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị T và anh P có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân H, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp là theo quy định, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình sống chung có nhiều mâu thuẩn, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cải không cùng tiếng nói anh P thường xuyên nhậu nhẹt không lo làm ăn phát triển kinh tề gia đình không quan tâm vợ con nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2021 đến nay, tình trạng hôn nhân của chị T và anh P như trên được chứng minh bằng hành động cụ thể là anh P không chấp hành các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án để được hòa giải đoàn tụ, bỏ mặt không ý kiến gì, đồng thời cố ý không chấp hành pháp luật. Mặc dù, Hội đồng xét xử đã động viên nhưng chị T vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với anh P, mâu thuẩn của chị T và anh P là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được, cho nên việc chị T yêu cầu ly hôn là thỏa mãn theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ.

[2] Về con chung: Chị T và anh P có 01 con chung tên Nguyễn Thị B, sinh ngày 16/3/2010, hiện nay chị T đang nuôi con chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con từ khi

vợ chồng xa nhau chị T trực tiếp nuôi con cháu việc giao con cho ai nuôi là xem xét điều kiện để nuôi con, chị Thăm đang trực tiếp nuôi dạy con tốt, có đủ điều kiện nuôi con nên chấp nhận yêu cầu của chị T và cháu Yến cũng có nguyện vọng sống với chị T, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh P nhưng anh P không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử chấp nhận là có căn cứ theo quy định tại Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với Nguyễn P để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử nên xét xử vắng mặt đối với Nguyễn P theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về án phí: Nguyên đơn Lê T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là có căn cứ, phù hợp với khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Lê T được ly hôn với Nguyễn P.

2. Về con chung: Lê T được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thị Bảo Yến, sinh ngày 16/3/2010.

Lê T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở Nguyễn P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con khi ly hôn.

3. Về án phí và tạm ứng án phí: Lê T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn

đồng) mà Lê T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0015972 ngày 12/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Lê T đã nộp xong).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06/9/2023). Đối với bị đơn không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày, tính từ ngày bản án này được giao cho họ hoặc được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- UBND xã Tân H;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

Nguyễn Cao Diễm